

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-ST

Ngày: 30-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Phương

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lựa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lý Thị Tuyền

Bà Hà Thị Nở

Bà Chèo Thị Sáu

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Khánh, ông Vũ Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2021/TLST - HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo.

1. CỨ A L (Tên gọi khác: không); Sinh năm: 1978 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: CỨ A L1 (đã chết) và bà Giàng Thị D (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Thào Thị D, sinh năm 1982; Con: Có 06 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2021, tạm giam từ ngày 27/02/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Giàng Thị C (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1985 tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản S, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A D, sinh năm 1960 và bà Phàng Thị C, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chồng 1: Thào A K (đã chết); Chồng 2: Liều A P, sinh năm 1977; Con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2021, tạm giam từ

ngày 27/02/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

3. Giàng A D (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1982 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã Q, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A S (đã chết) và bà Hạng Thị M (đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Phàng Thị L, sinh năm 1994; Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

Ngày 15/01/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên xử phạt 25 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 01/8/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, hiện đã được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2021, tạm giam từ ngày 27/02/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

4. Giàng Thị V (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1984 tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A D, sinh năm 1960 và bà Phàng Thị C, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chồng: Sùng A S, sinh năm 1976 hiện đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca, tỉnh Yên Bái; Con: Có 05 con (02 con đẻ và 03 con riêng của chồng), con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2021, tạm giam từ ngày 27/02/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông cho các bị cáo:* Ông Lầu A P, sinh năm 1983 - Nơi công tác: Đài truyền hình tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/02/2021, Cừ A L đến nhà Sùng A D, sinh năm 1993, trú tại bản N3, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên được Sùng A D rủ đi chở tam thất cho D, Làng đồng ý. Sau đó, D dùng xe mô tô BKS 27B1- 924.93 chở L đi đến bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên lấy 01 chiếc xe mô tô BKS 27B1-329.68 cho L đi. Cả hai cùng đi đến xã C, huyện NP, tỉnh Điện Biên. Tại xã C, L và D gặp một người thanh niên là bạn của Sùng A D cùng tên là D (Sùng A D gọi D là “D nhỏ”, L không biết rõ họ tên, địa chỉ của “D nhỏ”), Sùng A D đặt vấn đề thuê L và

“D nhỏ” vận chuyển ma túy với giá tiền công là 45.000.000 đồng, L và “D nhỏ” đồng ý.

Sáng ngày 14/02/2021, D, L và “D nhỏ” đi thị xã M, tỉnh Điện Biên. Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, D bảo L tìm thêm người vận chuyển ma túy. L gọi điện cho Giàng Thị C đặt vấn đề thuê C vận chuyển ma túy cho Sùng A D. C đi về Điện Biên, L sẽ đón C ở dọc đường, công vận chuyển ma túy là 45.000.000 đồng, C đồng ý. Sau khi nói chuyện với L, C gọi điện cho Giàng Thị V hỏi V có đi chở ma túy thuê không, giá tiền công vận chuyển ma túy là 25.000.000 đồng, V đồng ý.

Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, C đi đến xã CN, huyện S, tỉnh Lai Châu thì gặp D, L và “D nhỏ”. D bảo C tìm thêm người vận chuyển ma túy, C liền điện thoại cho V bảo V đi vận chuyển ma túy thuê, V đồng ý và nói sẽ gọi thêm người đi cùng V do V mới biết đi xe. C hỏi D thì D đồng ý và hẹn gặp V ở huyện M, tỉnh Điện Biên. Lúc này, Giàng A D đang ở nhà V, V bảo D đi huyện M cùng V. Trên đường đi, V nói cho D biết V đi vận chuyển ma túy thuê giá tiền công là 25.000.000 đồng, D đồng ý.

Khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, Sùng A D, Cứ A L và “D nhỏ” đi đến huyện M, tỉnh Điện Biên thuê nhà nghỉ (các đối tượng không nhớ nhà nghỉ tên gì). Sau đó, Sùng A D dẫn C, L và “D nhỏ” đi về hướng thành phố Điện Biên rẽ vào đường bê tông gặp 03 người đàn ông đi 03 xe mô tô chở 03 bao tải xác rắn màu cam, bên trong có chứa ma túy. D hỏi có chở được hết số hàng này không? L, C lúc này thấy số lượng ma túy nhiều, nói với D không chở hết được. D nói chuyện với 03 người đàn ông chở ma túy kia chở ma túy đi sâu vào trong đường bê tông. Lúc này, C gọi điện cho Giàng Thị V bảo V không đi nữa do tiền công ít quá, còn V bảo D quay lại nhà V không đi M nữa. Sau đó, bốn người gồm D, L, D nhỏ, C quay lại nhà nghỉ để bàn bạc. Tại đây D tăng tiền công lên thành 50.000.000 đồng/01 người, C và L đồng ý.

Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, C điện thoại cho V quay lại M để đi vận chuyển ma túy và thông báo cho V biết tiền công là 50.000.000 đồng/01 người, do V không tin C nên đã chuyển điện thoại cho D nói chuyện với V. Nghe D nói tiền công vận chuyển ma túy là 50.000.000 đồng/01 người, V đồng ý. Sau đó, V gọi điện cho D đến nhà V, lấy xe mô tô BKS 27S1-034.83 đưa V đi huyện M, tỉnh Điện Biên để vận chuyển ma túy. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, Sùng A D đón Giàng Thị V và Giàng A D đến nhà nghỉ ở M. Tại nhà nghỉ V và C gặp Cứ A L và “D nhỏ”. V nói với D là Sùng A D thuê vận chuyển ma túy, giá tiền công là 50.000.000 đồng/01 người, D đồng ý.

Đêm ngày 14/02/2021, Sùng A D, Giàng Thị C và “D nhỏ” đi 02 xe mô tô đến đoạn đường bê tông gặp 03 người đàn ông lúc chiều để lấy ma túy. Tại đây D, “D nhỏ” và C gặp 01 người đàn ông, D bảo người đàn ông đó đem ma túy ra giao cho “D nhỏ” chở. D chở C đi trước dò đường, còn người đàn ông giao ma túy kia đi đâu không rõ. Sùng A D, “D nhỏ” và C đi qua huyện M, tỉnh Điện Biên một đoạn thì dừng lại giấu ma túy vào bụi cây, cách đường khoảng 20 mét. Sau khi giấu

xong, “D nhỏ” về nhà nghỉ để ngủ còn D và C tiếp tục đi về hướng tỉnh Lai Châu để kiểm tra đường.

Sáng ngày 15/02/2021, “D nhỏ” gọi mọi người dậy đi gặp D và C. Lúc này, “D nhỏ” thông báo cho V, L và D biết ma túy đã lấy được và đem đi cất giấu. L, D, V và “D nhỏ” mỗi người đi 01 xe mô tô đến địa điểm hẹn D. Gặp nhau D nói cần túi đựng ma túy, C lấy 500.000 đồng của C đưa cho Cự A L và “D nhỏ” đi mua 04 ba lô. L đưa cho V 01 ba lô để đựng quần áo, V, C đứng ở trên đường cảnh giới. D dẫn L đem theo 03 ba lô cùng “D nhỏ”, D xuống bụi cây chỗ giấu 02 bao ma túy. Tại đây D, L, “D nhỏ” lấy hết ma túy cho vào 03 ba lô và mang lên trên đường, rồi D, L, C mỗi người đi một xe chở theo 01 ba lô có ma túy. D đi 01 xe mô tô chở V, “D nhỏ” đi 01 xe mô tô đi trước để dẫn đường. Đến thị xã M, tỉnh Điện Biên gặp một người đàn ông tên P ra đón (V, C, L, D không biết rõ họ tên, địa chỉ của P) P dẫn C, L, D đi đến nhà P cất ma túy. Sau đó, C, L, D quay lại gặp V, D, “D nhỏ” đi thuê phòng nghỉ.

Đến trưa ngày 16/02/2021, C, V, D thấy Sùng A D vẫn chưa thanh toán tiền công và do số lượng ma túy nhiều nên sợ, bàn nhau không đi vận chuyển ma túy nữa. Sau đó, V và D lấy xe mô tô đi về M, còn C ở lại nhà nghỉ bị Sùng A D yêu cầu gọi V và D quay lại do đã nhìn thấy ma túy của Sùng A D, nếu không quay lại sẽ chịu hậu quả. Nghe xong điện thoại của C, V và D quay lại nhà nghỉ ở thị xã M và cả bọn cùng ở lại.

Đến sáng ngày 17/02/2021, L, C, D, V không thấy “D nhỏ” đâu. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, P đề nghị L, C, D mỗi người đi một xe mô tô đến nhà P lấy 03 ba lô chứa ma túy đi sau, P đi 01 xe mô tô, D đi 01 xe mô tô chở theo V đi trước dẫn đường đi sang huyện T, tỉnh Điện Biên đi đò sang huyện S, tỉnh Lai Châu sau đó đi về huyện P và tiếp tục đi đến thành phố L, tỉnh Lai Châu. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày thì về đến đầu thành phố L, D, L, P đem ma túy cất giấu ở gần đường. Sau đó, Sùng A D đem chứng minh thư của D để thuê 02 phòng nghỉ ở nhà nghỉ PT, tổ 22, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 18/02/2021, Sùng A D dậy trả 02 phòng nghỉ, L, C, D đi đến chỗ giấu ma túy ở đầu thành phố L lấy 03 ba lô ma túy, P vẫn đi trước để kiểm tra đường đi về hướng tỉnh Lào Cai, D chở V đi sau P, theo sau lần lượt là L, C, D mỗi người chở 01 ba lô ma túy. Khi D đi đến khu vực bản NĐ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu đã đâm vào đồng gạch phía bên tay phải theo hướng di chuyển làm rách ba lô đựng ma túy. D gọi điện cho V thông báo mình bị tai nạn. D chở V quay lại chỗ D bị tai nạn, D bảo V lấy ba lô ma túy để lên xe của D, thấy ba lô ma túy bị bọc V lấy áo của D đặt lại. Do thấy có đông người đứng lại xem và có cả Công an nên V không dám lấy ba lô ma túy mà bảo D chạy đi, còn bản thân V thì lên xe của D để đi về hướng thành phố L rồi rẽ vào khu vực rừng thuộc bản Đội 4, xã H, huyện T để trốn. D gọi điện cho L, C, P thông báo D bị tai nạn, bảo C và L giấu 02 ba lô ma túy đi. Nghe D chỉ đạo, L đem ba lô ma túy đến Km 63+716, Quốc lộ 4D, bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu giấu ba lô ma túy ở rãnh thoát nước cách mép đường 6,2 m. Sau đó, L đi đến chỗ C và P đứng, lúc này

C và P đã giấu ba lô ma túy của C ở gần đường. Khi L đến, C chỉ cho L chỗ giấu ma túy, L đem ba lô ma túy của C đi đến Km 63+500, Quốc lộ 4D, bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu đi vào trong đường mòn cắt giấu ba lô ma túy ở trong bụi cây.

Sau khi giấu xong ma túy, L và P đi xe về xã S, huyện T để trốn, còn C theo sự chỉ đạo của D quay lại chỗ D bị ngã xem Công an đã thu ma túy chưa? C quay lại chỗ D thì không thấy D và ba lô ma túy (lúc này D đã bị bắt và thu giữ 01 ba lô bên trong có 18 gói ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng là 18.000 gam), C đi đến chỗ V và D đang trốn, giấu xe cùng chỗ của D, đi sâu vào trong rừng đợi đến tối sẽ ra lấy xe đi về. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, lực lượng Công an đã bắt giữ được C và V, còn D lợi dụng địa hình rừng núi đã trốn thoát. L và P đem 02 xe mô tô vào nhà anh Hạng A D, sinh năm 1990 ở bản H, xã S, huyện T, Lai Châu để gửi.

Đến sáng ngày 19/02/2021, có 02 người bạn của P (L không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ) đi lấy 01 xe mô tô của P gửi ở nhà D, còn xe của L đi vẫn gửi lại nhà D. P và L tiếp tục đi đường rừng mất khoảng 02 ngày đến vùng thấp huyện S, tỉnh Lai Châu rồi đi đò sang huyện T, tỉnh Điện Biên thì P tách ra đi riêng cùng hai người bạn của P, còn L xin ngủ nhờ nhà người dân một đêm. Sáng ngày 22/02/2021, L bắt xe đi về nhà mình ở bản C, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên. Đến sáng ngày 23/02/2021, L bị bắt khẩn cấp. L đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, đồng thời chỉ chỗ giấu 02 ba lô ma túy mà L đã trực tiếp cất giấu ở bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ lời khai của L, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại Km 63+716, Quốc lộ 4D, bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu 01 ba lô bên trong có 18 gói ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng là 18.000 gam, thu giữ tại Km 63+500, Quốc lộ 4D, bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu 01 ba lô bên trong có 14 gói ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng là 14.000 gam.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận:

Tổng 50.000 gam Methamphetamine để trong 03 ba lô là do Sùng A D thuê các bị cáo vận chuyển từ huyện M, tỉnh Điện Biên sang thị xã S, tỉnh L với giá 50.000.000 đồng/01 người; vỏ bao bì giấy dùng để đựng ma túy, 05 túi dạng ba lô là của các bị cáo dùng để đựng ma túy và quần áo; 01 áo khoác đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 bộ quần áo mưa, 01 khẩu trang y tế là của bị cáo Giàng A D; các mảnh giấy ăn và 01 bao tải xác rắn màu cam là thu giữ tại hiện trường nơi bị cáo D xảy ra tai nạn.

01 xe mô tô màu xanh, đen, bạc nhãn hiệu HONDA WAVE 110 mang BKS 90H7-2348, 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H và 01 điện thoại loại bàn phím

nhãn hiệu Masstel màu xanh đen là của bị cáo Giàng Thị C, C khai nhận đã dùng làm công cụ, phương tiện và liên lạc khi vận chuyển trái phép chất ma túy.

01 xe mô tô màu đỏ, đen nhãn hiệu HONDA WAVE mang BKS 27S1-034.83, 01 đăng ký xe mang tên Cháng A C và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo 1820 là của bị cáo Giàng Thị V, V khai nhận dùng làm công cụ, phương tiện và liên lạc khi vận chuyển trái phép chất ma túy. Còn 01 điện thoại bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen thu giữ của V không liên quan đến hành vi phạm tội.

01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Mobistar là của bị cáo Giàng A D, D khai nhận dùng để liên lạc với các bị cáo về việc vận chuyển trái phép chất ma túy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh nước biển là của bị cáo Cự A L, L khai nhận dùng để liên lạc với các bị cáo về việc vận chuyển trái phép chất ma túy.

Đối với Sùng A D, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, truy bắt nhiều lần nhưng D không có mặt ở địa phương và không biết rõ đang ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố bị can và ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra đối với Sùng A D.

Đối với người đàn ông tên P và “D nhỏ” tham gia vận chuyển ma túy cùng các bị cáo trong vụ án này, do các bị cáo Cự A L, Giàng Thị C, Giàng Thị V, Giàng A D không biết rõ nhân thân, lai lịch của P và “D nhỏ”. Vì vậy chưa có căn cứ để điều tra, làm rõ, xử lý các đối tượng trên trong cùng vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý P, “D nhỏ” khi có căn cứ.

Đối với 03 người đàn ông chở 03 bao ma túy và người đàn ông giao 02 bao ma túy cho Sùng A D, 02 người đàn ông lấy xe cho P, chở P và L chạy trốn. Các bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của những người này nên không có đủ căn cứ để tiến hành điều tra, làm rõ.

Đối với xe mô tô mang BKS 27B1 - 924.93 do Sùng A D trực tiếp đi và xe mô tô mang BKS 27B1 - 329.68 do Sùng A D đưa cho Cự A L đi, hiện chưa xác định được chủ sở hữu đã tách ra cùng hồ sơ vụ án Sùng A D để tiếp tục tiến hành điều tra, làm rõ.

Đối với các số điện thoại các bị cáo dùng để liên lạc với nhau trong quá trình vận chuyển ma túy, đều không đăng ký chính chủ. Kết quả điều tra xác định những người đăng ký chính chủ các số thuê bao này đều không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ xem xét.

Tại bản kết luận giám định số 197/GĐ-KTHS ngày 24/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Vật chứng thu giữ của Giàng A D có tổng khối lượng là 18.000 gam; 18 mẫu tinh thể màu trắng gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 204/GĐ-KTHS ngày 28/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Vật chứng thu giữ của Cự A L có

tổng khối lượng là 14.000 gam; 14 mẫu tinh thể màu trắng gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 205/GĐ-KTHS ngày 04/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: Vật chứng thu giữ của Cú A L có tổng khối lượng là 18.000 gam; 18 mẫu tinh thể màu trắng gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS-P1 ngày 28/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Cú A L, Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Cú A L, Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cú A L tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm k, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Thị C tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm k, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng A D tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm k, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Thị V tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2021.

Áp dụng khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 49.822,49 gam Methamphetamine còn lại sau giám định; 05 túi dạng ba lô; 01 bao tải xác rắn màu cam; 01 áo khoác đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 bộ quần áo mưa; 01 khẩu trang y tế; các mảnh giấy ăn; vỏ bao bì giấy.

Trả lại cho bị cáo Giàng Thị C 01 chứng minh nhân dân mang tên Giàng Thị C; Trả lại cho bị cáo Giàng Thị V 01 chứng minh nhân dân mang tên Giàng Thị V và 01 điện thoại loại bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 320.000 đồng; Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô màu xanh, đen, bạc nhãn hiệu HONDA WAVE 110 mang BKS 90H7 - 2348 và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H; 01 xe mô tô màu đỏ đen nhãn hiệu HONDA WAVE mang BKS 27S1- 034.83 và 01 đăng ký xe mang tên Cháng A C; 01 điện thoại loại bàn phím nhãn hiệu Masstel màu xanh đen; 01 điện

thoại nhãn hiệu Vivo 1820; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Mobistar; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh nước biển.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cú A L, đề nghị cho bị cáo L được hưởng mức án thấp nhất. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm k, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Giàng Thị C, Giàng A D và Giàng Thị V được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Áp dụng khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: Trả lại cho bị cáo Giàng Thị C 01 xe mô tô màu xanh, đen, bạc nhãn hiệu HONDA WAVE 110 mang BKS 90H7 - 2348 và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H; Trả lại cho bị cáo Giàng Thị V 01 xe mô tô màu đỏ, đen nhãn hiệu HONDA WAVE mang BKS 27S1- 034.83 và 01 đăng ký xe mang tên Cháng A C vì là tài sản chung của gia đình các bị cáo; Trả lại cho Giàng Thị V 01 điện thoại bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo nhất trí với đề nghị của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/02/2021 đến ngày 18/02/2021, Sùng A D đã thuê Cú A L, Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V vận chuyển trái phép 50.000 gam Methamphetamine từ huyện M, tỉnh Điện Biên đi thị xã S, tỉnh Lào Cai với giá tiền công là 50.000.000 đồng/01 người. Cú A L trực tiếp vận chuyển 18.000 gam Methamphetamine, Giàng Thị C trực tiếp vận chuyển 14.000 gam

Methamphetamine, Giàng A D trực tiếp vận chuyển 18.000 gam Methamphetamine, còn Giàng Thị V cùng tham gia để dẫn đường cảnh giới. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/02/2021, Giàng A D đi đến bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu tự gây ra tai nạn đã bị phát hiện bắt giữ, thu giữ 18.000gam Methamphetamine. Căn cứ lời khai của D, ngày 18/02/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với C, V. Đến ngày 23/02/2021, căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được Cơ quan điều tra đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Cừ A L và thu giữ 02 ba lô, 01 ba lô chứa 14.000 gam Methamphetamine và 01 ba lô chứa 18.000 gam Methamphetamine các bị cáo giấu tại khu vực bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Sùng A Dơ là người thuê các bị cáo Cừ A L, Giàng Thị C, Giàng A , Giàng Thị V vận chuyển Methamphetamine. Trong đó: L, C, D là người trực tiếp vận chuyển Methamphetamine; V với vai trò là người giúp sức, là người dẫn đường, cảnh giới. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Giàng A D có nhân thân xấu thể hiện: Ngày 15/01/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên xử phạt 25 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 01/8/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, hiện đã được xóa án tích; Các bị cáo Cừ A L, Giàng Thị C và Giàng Thị V đều chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Cừ A L, Giàng Thị C, Giàng Thị V, Giàng A D đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đều là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa không biết chữ, gia đình thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Giàng Thị C, Giàng A D và Giàng Thị V phạm tội do bị Sùng A D đe dọa nên các bị cáo C, D và V được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm k khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này bị cáo Giàng Thị V và Giàng Thị C là hai chị em ruột trong một gia đình; bị cáo V là người có vai trò thấp hơn các bị cáo C, D và L; V không trực tiếp vận chuyển ma túy, là người giúp sức (dẫn đường, cảnh giới) cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, hiện chồng bị cáo V đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca, Yên Bái, các con bị cáo không ai chăm sóc nên căn cứ điểm c tiểu mục 3.3 mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có thể giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo V, cần cách ly bị cáo V ra khỏi đời sống xã hội không thời hạn để thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta. Còn các bị cáo C, A, L, Giàng Thị C và Giàng A D là những người trực tiếp vận chuyển ma túy, các bị cáo vận chuyển ma túy với khối lượng đặc biệt lớn (50.000 gam Methamphetamine), khó có khả năng cải tạo nên cần tước bỏ quyền được sống của các bị cáo L, C và D để phòng ngừa chung trong xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc cho các bị cáo Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự vì các bị cáo vận chuyển ma túy với khối lượng đặc biệt lớn (50.000 gam Methamphetamine); không chấp nhận đề nghị trả lại xe mô tô cho các bị cáo Chu và V vì là xe của các bị cáo, các bị cáo sử dụng các xe trên làm phương tiện phạm tội, hơn nữa gia đình các bị cáo cũng không có ý kiến gì đối với hai xe mô tô trên.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn, gia đình đều thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: 49.822,49 gam Methamphetamine còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

05 túi dạng ba lô; 01 bao tải xác rắn màu cam; 01 áo khoác đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 bộ áo mưa; 01 khẩu trang y tế; các mảnh giấy ăn; vỏ bao bì giấy. Xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

01 chứng minh nhân dân mang tên Giàng Thị C; 01 chứng minh nhân dân mang tên Giàng Thị V và 01 điện thoại loại bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen của bị cáo V. Xét thấy đây là những giấy tờ tùy thân và tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo C, V theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 320.000 đồng thu giữ của bị cáo Giàng A D, xét thấy đây là số tiền bị cáo Cự A L đưa cho để sử dụng vào việc vận chuyển trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

01 xe mô tô màu xanh, đen, bạc nhãn hiệu HONDA WAVE 110 mang BKS 90H7 - 2348 và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H là của bị cáo Giàng Thị C; 01 xe mô tô màu đỏ đen nhãn hiệu HONDA WAVE mang BKS 27S1- 034.83 và 01 đăng ký xe mang tên Cháng A C là của bị cáo Giàng Thị V; 01 điện thoại loại bàn phím nhãn hiệu Masstel màu xanh đen là của bị cáo Giàng Thị C; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo 1820 màu xanh là của bị cáo Giàng Thị V; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Mobistar là của bị cáo Giàng A D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh nước biển là của bị cáo Cự A L. Xét thấy những tài sản trên là những công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Cự A L, Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V.

Căn cứ điểm k khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V.

1. Tuyên bố các bị cáo Cự A L, Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Cự A L tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Giàng Thị C tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Giàng A D tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Giàng Thị V tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2021.

3. Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: 49.822,49 gam Methamphetamine còn lại sau giám định; 05 túi dạng ba lô; 01 bao tải xác rắn màu cam; 01 áo khoác đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 bộ quần áo mưa; 01 khẩu trang y tế; các mảnh giấy ăn; vỏ bao bì giấy.

- Trả lại cho bị cáo Giàng Thị C: 01 chứng minh nhân dân mang tên Giàng Thị C.

- Trả lại cho bị cáo Giàng Thị V: 01 chứng minh nhân dân mang tên Giàng Thị V và 01 điện thoại loại bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước:

+ 01 xe mô tô màu xanh, đen, bạc nhãn hiệu HONDA WAVE 110 mang BKS 90H7-2348, số khung RLHJC43079Y024986, số máy JC43E-0029461, dung tích xi lanh 109 và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H.

+ 01 xe mô tô màu đỏ, đen nhãn hiệu HONDA WAVE mang BKS 27S1-034.83, số khung RLHJC5229CY736061, số máy JC52E-5239012, dung tích xi lanh 109,1 và 01 đăng ký xe mang tên Cháng A C.

+ 01 điện thoại loại bàn phím nhãn hiệu Masstel màu xanh đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo 1820 màu xanh; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Mobistar; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh nước biển.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 10 phút ngày 09/9/2021 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

4. Về án phí:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Cừ A L, Giàng Thị C, Giàng A D, Giàng Thị V.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo Cừ A L, Giàng Thị C, Giàng A D được quyền gửi đơn xin ân giảm án tử hình lên Chủ tịch nước.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (phòng Ma túy);
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Trại Tạm giam;
- Lưu.

Phan Thị Phương